

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính	20 - 60

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 3 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.131.732 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 51.317.320.000 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 45.867.129.400 đồng, tương đương với 4.586.712,94 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới tạo ra lợi nhuận tối ưu, có tính bền vững, dài hạn cho Nhà đầu tư thông qua tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng tốt với triển vọng tăng trưởng cao, đồng thời có mức định giá hấp dẫn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Trọng Bằng	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 24 tháng 5 năm 2024
Bà Phan Thị Hồng Lan	Thành viên độc lập	Ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên độc lập	Ngày 24 tháng 5 năm 2024
Ông Trương Hữu Huy	Thành viên độc lập	Ngày 24 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hốp, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ:


Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 3 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới tạo ra lợi nhuận tối ưu, có tính bền vững, dài hạn cho Nhà đầu tư thông qua tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng tốt với triển vọng tăng trưởng cao, đồng thời có mức định giá hấp dẫn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ tăng 12,90% so với ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng chủ động và linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hiệu quả đầu tư dựa vào đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, thế giới, chu kỳ kinh tế. Quỹ sẽ tập trung lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán (HSX, HNX), cổ phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom và phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Quỹ. Quỹ sẽ kết hợp chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị, để tối ưu các lựa chọn và đem lại hiệu suất đầu tư hiệu quả cho Nhà đầu tư bằng nỗ lực cao nhất.

Quỹ đầu tư đa dạng vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung bình đến dài hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 5 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 50.378.399.000 VND.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 4.586.712,94 chứng chỉ quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. **Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ:** Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31/12/2025 (%)	Ngày 31/12/2024 (%)
Danh mục cổ phiếu	94,84	90,66
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	5,16	7,22
Tài sản khác	-	2,12
Tổng cộng	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Quỹ không có số liệu cho kỳ 31 tháng 12 năm 2023 do mới được cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở vào ngày 24 tháng 5 năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	50.378.399.000	48.744.767.189
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	4.586.712,94	5.010.338,70
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.983,55	9.728,83
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.761,25	10.298,93
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	7.961,79	9.309,06
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	12,90	Không áp dụng
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá)	518,93	Không áp dụng
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(506,03)	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	4,90	4,75
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	5,02	4,77

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ không phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	12,90	12,90
Từ khi thành lập	9,84	6,02

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

- GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Sản xuất công nghiệp

- Năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 9,2% so với năm trước (năm 2024 tăng 8,2%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5% (năm 2024 tăng 9,5%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,7% (năm 2024 tăng 9,5%), đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8% (năm 2024 tăng 10,6%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 0,5% (năm 2024 giảm 6,3%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PMI) khép lại năm 2025 với những tín hiệu tăng trưởng tích cực khi chỉ số PMI tháng 12 đạt 53 điểm, đánh dấu chuỗi cải thiện điều kiện kinh doanh xuyên suốt 6 tháng cuối năm.

Xuất nhập khẩu

- Tính chung cả năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 107,95 tỷ USD, giảm 6,1%, chiếm 22,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 367,09 tỷ USD, tăng 26,1%, chiếm 77,3%.
- Tính chung cả năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm trước.
- Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 153,2 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 186,0 tỷ USD.

Nguồn vốn FDI giải ngân cao

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm trước.
- Vốn đăng ký cấp mới có 4.054 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17,32 tỷ USD, tăng 20,1% so với năm trước về số dự án và giảm 12,2% về số vốn đăng ký.
- Vốn đăng ký điều chỉnh có 1.404 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 14,07 tỷ USD, tăng 0,8% so với năm trước.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Lạm phát trong tầm kiểm soát

- Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

Chính sách tiền tệ linh hoạt

- Năm 2025, lãi suất điều hành tiếp tục duy trì ở mức thấp, các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay.
- Tỷ giá trung tâm năm 2025 về cơ bản ổn định do NHNN điều hành tỷ giá phù hợp, can thiệp ngoại tệ linh hoạt, hạn chế áp lực biến động bất thường đối với tỷ giá thị trường, góp phần ổn định và đáp ứng nhu cầu ngoại tệ hợp pháp. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 25.121 đồng, tăng 3,23% so với thời điểm cuối năm 2024.

Thị trường quỹ mở cổ phiếu

- Năm 2025, chỉ số VN-Index đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với đầu năm. Về phía các quỹ cổ phiếu tuy không đạt được mức sinh lợi như VN-Index nhưng cũng có 6 quỹ đạt mức tăng trưởng trên 30%. Tuy có tiêu chí chọn lọc khác nhau, điểm chung của quỹ mở là chuộng các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng cao và thường nằm ở nhóm đầu ngành.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ	(506,03)	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ	518,93	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	12,90	9,84
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị quỹ	12,90	6,02

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	50.378.399.000	48.744.767.189	3,35
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	10.983,55	9.728,83	12,90

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong năm của Quỹ:



2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	277	207.017,25	4,52
Từ 5.000 đến 10.000	17	135.408,38	2,95
Từ 10.000 đến 50.000	14	297.388,04	6,48
Từ 50.000 đến 500.000	14	2.946.899,27	64,25
Trên 500.000	1	1.000.000,00	21,80
Tổng cộng	323	4.586.712,94	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

- Thị trường chứng khoán năm 2026 dự kiến đối mặt với không ít thách thức khi lãi suất huy động có xu hướng tăng và dự địa duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng ngày càng thu hẹp.
- Trong bối cảnh đó, định hướng điều hành nhiều khả năng sẽ dịch chuyển từ nới lỏng tiền tệ sang ưu tiên chính sách tài khóa. Mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức hai chữ số trong các năm tới, cùng với việc đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt tại các dự án quy mô lớn và dài hạn như metro, đường sắt và năng lượng, tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và thị trường.
- Song song đó, triển vọng năm 2026 còn được củng cố bởi xu hướng phục hồi của dòng vốn FDI khi môi trường thuế quan toàn cầu dần trở nên rõ ràng hơn. Với lợi thế về vị trí địa lý và nguồn nhân lực dồi dào, Việt Nam vẫn duy trì sức hút đối với các nhà đầu tư quốc tế.
- Bên cạnh đó, Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi từ tháng 9/2026 trong tương lai gần được kỳ vọng sẽ thu hút mạnh dòng vốn ngoại.
- Đây sẽ là yếu tố hỗ trợ tâm lý trong ngắn hạn, đồng thời góp phần cải thiện thanh khoản và mặt bằng định giá của thị trường chứng khoán trong dài hạn.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT QUỸ ĐẦU TƯ BẢN VIỆT DISCOVERY NĂM 2025



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("Quỹ VCAMDF") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này VCAMDF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ VCAMDF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ VCAMDF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ VCAMDF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ VCAMDF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Ông Trần Ngọc Tiến
Phó trưởng phòng Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13695373/E-69124331

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery (“Quỹ”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 13 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.4 của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		8.780.176.515	(43.472.810)
02	1.1 Cổ tức được chia	11	1.243.797.000	791.341.300
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	15.371.315	40.965.890
04	1.3 Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	13	10.520.104.352	(1.796.856.977)
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(2.999.096.152)	921.076.977
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		686.428.829	429.000.378
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	686.428.829	429.000.378
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.802.307.535	1.105.906.972
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	22.1	760.832.976	484.960.918
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	14	342.338.559	169.221.362
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	22.2	66.000.000	39.919.353
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	22.2	198.000.000	119.758.064
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		158.400.000	90.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		120.000.000	102.600.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	15	156.736.000	99.247.275
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.291.440.151	(1.578.380.160)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		6.291.440.151	(1.578.380.160)
31	5.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		9.290.536.303	(2.499.457.137)
32	5.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(2.999.096.152)	921.076.977
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		6.291.440.151	(1.578.380.160)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Thọ Hạp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B02-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	2.608.793.662	3.559.721.154
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		2.608.793.662	3.559.721.154
120	2. Các khoản đầu tư thuần		47.997.963.200	44.736.075.000
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	47.997.963.200	44.736.075.000
130	3. Các khoản phải thu		-	1.046.897.500
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	933.597.500
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		-	113.300.000
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		-	113.300.000
100	TỔNG TÀI SẢN		50.606.756.862	49.342.693.654
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		-	310.876.589
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư			
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	6	6.505.280	30.615.845
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.558.485	4.161.129
316	4. Chi phí phải trả	7	97.400.000	107.200.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		8.000.000	30.006.000
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	8	114.894.097	115.066.902
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		228.357.862	597.926.465

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B02-QM


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỜ		50.378.399.000	48.744.767.189
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		45.867.129.400	50.103.387.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	68.409.431.400	57.887.076.500
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(22.542.302.000)	(7.783.689.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(201.790.391)	219.760.349
420	3. Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối	10	4.713.059.991	(1.578.380.160)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỜ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	9	10.983,55	9.728,83

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	18	4.586.712,94	5.010.338,70

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 26 tháng 3 năm 2026


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Trần Đỗ Quyên
 Kế toán Trưởng



 Ông Phạm Phú Hạp
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

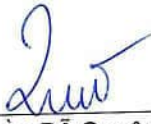
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu kỳ	48.744.767.189	51.317.320.000
II	Thay đổi NAV trong kỳ	6.291.440.151	(1.578.380.160)
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	6.291.440.151	(1.578.380.160)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(4.657.808.340)	(994.172.651)
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	10.931.630.014	6.544.869.238
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(15.589.438.354)	(7.539.041.889)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	50.378.399.000	48.744.767.189

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 26 tháng 3 năm 2026


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Trần Đỗ Quyên
 Kế toán Trưởng



 Ông Phạm Rho Hop
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết	2.092.468		47.997.963.200	94,84
1	ABB	300.000	16.100	4.830.000.000	9,54
2	BVB	133.000	13.200	1.755.600.000	3,47
3	CTD	18.900	76.000	1.436.400.000	2,84
4	DCM	120.000	32.700	3.924.000.000	7,75
5	EVF	150.000	11.050	1.657.500.000	3,28
6	HPG	80.000	26.400	2.112.000.000	4,17
7	HVN	18	24.900	448.200	0,00
8	IDC	50.000	36.400	1.820.000.000	3,60
9	KDH	60.000	31.500	1.890.000.000	3,73
10	KHG	250.000	6.890	1.722.500.000	3,40
11	MBS	75.000	26.000	1.950.000.000	3,85
12	MWG	25.000	88.400	2.210.000.000	4,37
13	NLG	55.000	30.450	1.674.750.000	3,31
14	NT2	160.000	24.350	3.896.000.000	7,70
15	NVL	140.000	13.350	1.869.000.000	3,69
16	PLX	60.000	35.300	2.118.000.000	4,19
17	PVS	69.550	34.300	2.385.565.000	4,71
18	SZC	65.000	29.150	1.894.750.000	3,74
19	TLG	66.000	49.700	3.280.200.000	6,48
20	VCI	100.000	35.300	3.530.000.000	6,98
21	VIB	115.000	17.750	2.041.250.000	4,04
II	Tiền			2.608.793.662	5,16
1	Tiền và tương đương tiền			2.608.793.662	5,16
III	Tổng giá trị danh mục			50.606.756.862	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ


Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phó Hạp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B05-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế TNDN		6.291.440.151	(1.578.380.160)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		2.989.296.152	(921.076.977)
03	Trong đó:			
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	2.999.096.152	(921.076.977)
04	Chi phí trích trước		(9.800.000)	-
05	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.280.736.303	(2.499.457.137)
20	Tăng các khoản đầu tư		(6.260.984.352)	(43.814.998.023)
06	Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		933.597.500	(933.597.500)
07	Giảm/(tăng) dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		113.300.000	(113.300.000)
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(310.876.589)	310.876.589
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, Công ty Quản lý quỹ		(24.110.565)	30.615.845
13	(Giảm)/tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(2.602.644)	4.161.129
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(22.006.000)	30.006.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	107.200.000
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(172.805)	115.066.902
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.706.880.848	(46.763.426.195)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	10.931.630.014	6.544.869.238
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	(15.589.438.354)	(7.539.041.889)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.657.808.340)	(994.172.651)
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(950.927.492)	(47.757.598.846)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B05-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.559.721.154	51.317.320.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	2.608.793.662	3.559.721.154
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		2.608.793.662	3.559.721.154
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		2.600.793.662	3.521.715.154
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		2.600.793.662	3.521.715.154
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		8.000.000	38.006.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(950.927.492)	(47.757.598.846)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 26 tháng 3 năm 2026


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ


 Bà Trần Đỗ Quyên
 Kế toán Trưởng



 Ông Phạm Rho Hop
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 3 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.131.732 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 51.317.320.000 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 45.867.129.400 đồng, tương đương với 4.586.712,94 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới tạo ra lợi nhuận tối ưu, có tính bền vững, dài hạn cho Nhà đầu tư thông qua tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng tốt với triển vọng tăng trưởng cao, đồng thời có mức định giá hấp dẫn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng chủ động và linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hiệu quả đầu tư dựa vào đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, thế giới, chu kỳ kinh tế. Quỹ sẽ tập trung lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán (HSX, HNX), cổ phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom và phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Quỹ. Quỹ sẽ kết hợp chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị, để tối ưu các lựa chọn và đem lại hiệu suất đầu tư hiệu quả cho Nhà đầu tư bằng nỗ lực cao nhất.

Quỹ đầu tư đa dạng vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ hàng ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau: (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau: (tiếp theo)

- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư theo mục (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4. Thông tin so sánh

Quỹ được thành lập vào ngày 24 tháng 5 năm 2024 và kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu vào ngày 24 tháng 5 năm 2024 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày của dữ liệu tương ứng là từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ kế toán.

2.5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.6. Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.7 Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Công ty Quản lý Quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại các tài khoản không kỳ hạn của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước Ngày định giá.
3.	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính đến ngày trước Ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
14.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác		
15.	Cổ phiếu đã đăng ký lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
16.	Chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của Chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua Chứng chỉ quỹ đó. - Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của Chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày định giá gần nhất của Quỹ.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá trị thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hai (2) số thập phân.

3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bằng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 *Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phải không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng khi Quý có tần suất giao dịch trên 2 phiên một tuần; 10.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng khi Quý có tần suất giao dịch dưới 2 phiên một tuần. Giá có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quý là 0,02% (không phải không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quý. Giá dịch vụ giám sát Quý được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quý. Giá dịch vụ giám sát quý chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ giám sát Quý tối thiểu là 5.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký Quý là 0,05% (không phải không năm phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quý. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quý. Mức giá dịch vụ lưu ký Quý tối thiểu là 15.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu 50.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,03% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch thì mức phí tối thiểu 10.000 đồng và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các khoản đầu tư khác ngoài các mục nêu trên thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời Công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	2.600.793.662	3.521.715.154
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	8.000.000	38.006.000
	2.608.793.662	3.559.721.154

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Cổ phiếu niêm yết	50.075.982.375	47.997.963.200	1.247.922.647	(2.078.019.175)	47.997.963.200
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	43.814.998.023	44.736.075.000	1.807.156.049	921.076.977	44.736.075.000
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập				(2.999.096.152)	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. **PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VỀ MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả công ty quản lý Quỹ	5.307.048	30.382.095
Phải trả Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	1.198.232	233.750
	6.505.280	30.615.845

7. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí kiểm toán	65.000.000	64.800.000
Thù lao ban đại diện quỹ	32.400.000	32.400.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	-	10.000.000
	97.400.000	107.200.000

8. **PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ**

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ mờ	64.694.097	64.493.241
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	-	373.661
	114.894.097	115.066.902

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	5.788.707,65	1.052.235,49	6.840.943,14
Giá trị ghi theo mệnh giá	57.887.076.500	10.522.354.900	68.409.431.400
Thặng dư vốn	(24.887.262)	409.275.114	384.387.852
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	57.862.189.238	10.931.630.014	68.793.819.252
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(778.368,95)	(1.475.861,25)	(2.254.230,20)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(7.783.689.500)	(14.758.612.500)	(22.542.302.000)
Thặng dư vốn	244.647.611	(830.825.854)	(586.178.243)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(7.539.041.889)	(15.589.438.354)	(23.128.480.243)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	5.010.338,70	(423.625,76)	4.586.712,94
Giá trị vốn góp hiện hành	50.323.147.349	(4.657.808.340)	45.665.339.009
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.578.380.160)	6.291.440.151	4.713.059.991
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	48.744.767.189		50.378.399.000
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	9.728,83		10.983,55

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

10. LỢI NHUẬN/(LỖ) CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lỗ chưa phân phối đầu kỳ	(1.578.380.160)	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong kỳ	6.291.440.151	(1.578.380.160)
Trong đó:		
- Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	9.290.536.303	(2.499.457.137)
- (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(2.999.096.152)	921.076.977
Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối cuối kỳ	4.713.059.991	(1.578.380.160)

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ tức được chia	1.243.797.000	791.341.300

12. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền lãi được nhận	15.371.315	40.965.890

13. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	257.112.309.000	246.592.204.648	10.520.104.352
	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	131.171.180.000	132.968.036.977	(1.796.856.977)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày	
	Năm nay VND	31 tháng 12 năm 2024 VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở - Giao dịch chứng khoán	154.508.778	92.433.221
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở - Tính trên NAV	181.403.226	75.000.000
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở - Phí VSDC	6.426.555	1.788.141
	342.338.559	169.221.362

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày	
	Năm nay VND	31 tháng 12 năm 2024 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	144.000.000	87.096.775
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	10.000.000
Phí ngân hàng	5.236.000	2.150.500
	156.736.000	99.247.275

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày	
	Năm nay VND	31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	333.195.649	243.496.049
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	353.233.180	185.504.329
	686.428.829	429.000.378

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6) = (4)/(5)		Phí giao dịch bình quân (%) (7)
1	Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam	Không liên quan	20.370.247.000	509.366.948.000	4,00	0,12	0,10 - 0,15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không liên quan	191.868.338.000	509.366.948.000	37,67	0,15	0,10 - 0,15
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	154.107.308.000	509.366.948.000	30,25	0,15	0,10 - 0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	Không liên quan	143.021.055.000	509.366.948.000	28,08	0,10	0,10 - 0,15
Tổng			509.366.948.000		100,00		

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)	Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam	Không liên quan	45.453.720.000	307.954.215.000	14,76	0,12	0,11 – 0,15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	38.654.540.000	307.954.215.000	12,55	0,15	0,11 – 0,15
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không liên quan	79.841.505.000	307.954.215.000	25,93	0,15	0,11 – 0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	95.767.355.000	307.954.215.000	31,10	0,15	0,11 – 0,15
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	Không liên quan	48.237.095.000	307.954.215.000	15,66	0,11	0,11 – 0,15
Tổng			307.954.215.000		100,00		

Các giao dịch thực hiện quyền đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
	31-12-2024	48.744.767.189	5.010.338,70	9.728,83	
1	01-01-2025	48.740.449.080	5.010.338,70	9.727,97	(0,86)
2	02-01-2025	48.855.727.204	5.013.203,21	9.745,41	17,44
3	05-01-2025	48.588.215.862	5.013.917,88	9.690,66	(54,75)
4	06-01-2025	48.119.913.256	5.014.123,22	9.596,87	(93,79)
5	07-01-2025	48.345.181.018	5.014.773,88	9.640,55	43,68
6	08-01-2025	48.234.315.431	5.012.473,35	9.622,85	(17,70)
7	09-01-2025	48.004.992.048	5.012.576,85	9.576,90	(45,95)
8	12-01-2025	47.272.762.905	5.012.576,85	9.430,83	(146,07)
9	13-01-2025	47.417.849.152	5.012.682,35	9.459,57	28,74
10	14-01-2025	47.191.899.685	5.012.892,71	9.414,10	(45,47)
11	15-01-2025	47.651.173.201	5.012.798,04	9.505,90	91,80
12	16-01-2025	47.759.976.150	5.012.802,71	9.527,59	21,69
13	19-01-2025	48.331.443.147	5.013.638,16	9.639,99	112,40
14	20-01-2025	48.283.093.835	5.013.741,37	9.630,15	(9,84)
15	21-01-2025	48.752.634.556	5.014.154,96	9.723,00	92,85
16	22-01-2025	48.800.963.126	5.014.767,51	9.731,45	8,45
17	23-01-2025	51.479.036.793	5.269.664,26	9.768,94	37,49
18	30-01-2025	51.169.197.204	5.270.779,83	9.708,08	(60,86)
19	31-01-2025	51.164.779.465	5.270.779,83	9.707,25	(0,83)
20	02-02-2025	51.155.514.494	5.270.779,83	9.705,49	(1,76)
21	03-02-2025	50.190.673.805	5.271.087,58	9.521,88	(183,61)
22	04-02-2025	50.726.039.431	5.271.875,87	9.622,00	100,12
23	05-02-2025	51.018.983.121	5.275.701,88	9.670,55	48,55
24	06-02-2025	51.066.170.889	5.276.010,85	9.678,93	8,38
25	09-02-2025	50.944.414.044	5.283.206,89	9.642,70	(36,23)
26	10-02-2025	50.121.534.197	5.283.310,07	9.486,76	(155,94)
27	11-02-2025	50.354.025.150	5.283.729,59	9.530,01	43,25
28	12-02-2025	50.334.501.801	5.284.721,44	9.524,53	(5,48)
29	13-02-2025	50.451.600.710	5.285.054,59	9.546,08	21,55
30	16-02-2025	50.668.609.531	5.285.158,82	9.586,96	40,88
31	17-02-2025	50.847.474.850	5.285.677,75	9.619,85	32,89
32	18-02-2025	50.886.522.462	5.285.781,18	9.627,05	7,20
33	19-02-2025	51.227.117.178	5.287.538,19	9.688,27	61,22
34	20-02-2025	51.105.970.333	5.286.394,38	9.667,45	(20,82)
35	23-02-2025	51.105.162.028	5.282.044,56	9.675,26	7,81
36	24-02-2025	51.296.098.437	5.282.044,56	9.711,40	36,14
37	25-02-2025	51.334.802.821	5.277.650,57	9.726,82	15,42
38	26-02-2025	51.662.085.489	5.277.347,37	9.789,40	62,58
39	27-02-2025	51.154.264.330	5.219.500,28	9.800,60	11,20
40	28-02-2025	50.830.934.628	5.219.500,28	9.738,65	(61,95)
41	02-03-2025	50.822.127.037	5.219.500,28	9.736,97	(1,68)
42	03-03-2025	50.850.164.385	5.220.013,47	9.741,38	4,41
43	04-03-2025	49.738.644.566	5.124.523,32	9.706,00	(35,38)
44	05-03-2025	49.222.412.436	5.124.523,32	9.605,26	(100,74)
45	06-03-2025	49.623.479.825	5.125.250,82	9.682,15	76,89
46	09-03-2025	49.576.357.642	5.125.250,82	9.672,96	(9,19)
47	10-03-2025	49.620.566.202	5.124.738,33	9.682,55	9,59
48	11-03-2025	49.589.843.685	5.125.858,43	9.674,44	(8,11)
49	12-03-2025	49.446.225.786	5.121.166,96	9.655,26	(19,18)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
50	13-03-2025	48.955.810.994	5.121.270,01	9.559,31	(95,95)
51	16-03-2025	48.733.328.677	5.121.478,18	9.515,48	(43,83)
52	17-03-2025	48.910.887.176	5.120.338,47	9.552,27	36,79
53	18-03-2025	48.340.835.513	5.103.046,79	9.472,93	(79,34)
54	19-03-2025	46.560.760.634	4.954.157,01	9.398,32	(74,61)
55	20-03-2025	46.262.194.486	4.965.167,48	9.317,34	(80,98)
56	23-03-2025	45.464.919.255	4.865.167,48	9.344,98	27,64
57	24-03-2025	45.727.176.487	4.865.067,48	9.399,08	54,10
58	25-03-2025	45.568.772.626	4.865.596,78	9.365,50	(33,58)
59	26-03-2025	45.400.399.365	4.865.596,78	9.330,90	(34,60)
60	27-03-2025	45.336.003.171	4.866.770,50	9.315,41	(15,49)
61	30-03-2025	45.084.708.821	4.869.761,22	9.258,09	(57,32)
62	31-03-2025	44.900.588.524	4.870.406,05	9.219,06	(39,03)
63	01-04-2025	45.115.388.427	4.867.413,97	9.268,86	49,80
64	02-04-2025	45.095.810.141	4.867.738,37	9.264,22	(4,64)
65	03-04-2025	42.807.718.470	4.868.221,89	8.793,29	(470,93)
66	07-04-2025	43.250.819.546	4.869.279,87	8.882,38	89,09
67	08-04-2025	39.801.397.692	4.868.827,93	8.174,73	(707,65)
68	09-04-2025	38.779.433.284	4.870.688,05	7.961,79	(212,94)
69	10-04-2025	41.997.633.472	4.870.707,16	8.622,49	660,70
70	13-04-2025	43.551.088.872	4.873.127,14	8.936,99	314,50
71	14-04-2025	44.285.081.985	4.873.127,14	9.087,61	150,62
72	15-04-2025	44.197.687.119	4.874.332,26	9.067,43	(20,18)
73	16-04-2025	43.683.170.004	4.874.238,00	8.962,05	(105,38)
74	17-04-2025	44.300.663.726	4.874.238,00	9.088,73	126,68
75	20-04-2025	43.957.842.898	4.874.238,00	9.018,40	(70,33)
76	21-04-2025	43.494.968.760	4.874.348,32	8.923,23	(95,17)
77	22-04-2025	43.345.727.240	4.874.794,34	8.891,80	(31,43)
78	23-04-2025	43.812.035.184	4.874.794,34	8.987,46	95,66
79	24-04-2025	43.991.704.647	4.875.348,32	9.023,29	35,83
80	27-04-2025	44.208.538.468	4.876.561,29	9.065,51	42,22
81	28-04-2025	44.279.077.273	4.876.445,90	9.080,19	14,68
82	30-04-2025	44.367.276.252	4.876.665,15	9.097,87	17,68
83	01-05-2025	44.363.138.040	4.876.665,15	9.097,02	(0,85)
84	04-05-2025	44.350.724.193	4.876.665,15	9.094,47	(2,55)
85	05-05-2025	45.024.877.759	4.876.665,15	9.232,71	138,24
86	06-05-2025	45.440.210.363	4.877.750,66	9.315,81	83,10
87	07-05-2025	46.244.682.493	4.877.971,18	9.480,31	164,50
88	08-05-2025	46.345.719.052	4.877.971,18	9.501,02	20,71
89	11-05-2025	46.274.379.107	4.877.971,18	9.486,39	(14,63)
90	12-05-2025	46.755.770.042	4.879.020,05	9.583,02	96,63
91	13-05-2025	47.167.363.931	4.879.227,69	9.666,97	83,95
92	14-05-2025	47.244.330.205	4.879.227,69	9.682,74	15,77
93	15-05-2025	47.274.342.421	4.879.227,69	9.688,89	6,15
94	18-05-2025	47.074.220.259	4.879.227,69	9.647,88	(41,01)
95	19-05-2025	47.013.625.479	4.879.537,39	9.634,85	(13,03)
96	20-05-2025	47.054.436.112	4.879.640,66	9.643,01	8,16
97	21-05-2025	47.768.669.848	4.878.818,77	9.791,03	148,02
98	22-05-2025	47.771.235.672	4.879.326,88	9.790,53	(0,50)
99	25-05-2025	47.590.713.470	4.879.326,88	9.753,54	(36,99)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
100	26-05-2025	48.176.914.505	4.880.755,04	9.870,79	117,25
101	27-05-2025	51.069.493.078	5.085.484,84	10.042,20	171,41
102	28-05-2025	50.810.981.176	5.090.443,91	9.981,64	(60,56)
103	29-05-2025	51.173.986.059	5.090.843,04	10.052,16	70,52
104	31-05-2025	50.629.546.825	5.091.104,29	9.944,70	(107,46)
105	01-06-2025	50.625.084.379	5.091.104,29	9.943,83	(0,87)
106	02-06-2025	51.526.618.682	5.091.804,72	10.119,51	175,68
107	03-06-2025	51.757.408.385	5.092.176,16	10.164,10	44,59
108	04-06-2025	51.690.045.326	5.073.301,93	10.188,63	24,53
109	05-06-2025	51.793.449.431	5.073.200,60	10.209,22	20,59
110	08-06-2025	51.258.871.535	5.073.191,15	10.103,87	(105,35)
111	09-06-2025	50.929.265.722	5.073.585,05	10.038,12	(65,75)
112	10-06-2025	50.872.936.778	5.062.767,14	10.048,44	10,32
113	11-06-2025	50.919.981.212	5.062.767,14	10.057,73	9,29
114	12-06-2025	51.209.235.109	5.062.866,06	10.114,67	56,94
115	15-06-2025	50.651.552.155	5.062.866,06	10.004,52	(110,15)
116	16-06-2025	51.130.578.512	5.052.866,06	10.119,12	114,60
117	17-06-2025	51.479.416.955	5.052.964,38	10.187,96	68,84
118	18-06-2025	51.462.579.441	5.052.152,84	10.186,26	(1,70)
119	19-06-2025	51.175.322.643	5.052.049,02	10.129,61	(56,65)
120	22-06-2025	50.996.541.174	5.052.340,15	10.093,64	(35,97)
121	23-06-2025	51.093.849.074	5.052.234,54	10.113,11	19,47
122	24-06-2025	51.141.621.195	5.052.824,85	10.121,39	8,28
123	25-06-2025	52.066.361.093	5.151.131,50	10.107,75	(13,64)
124	26-06-2025	51.954.117.802	5.149.735,68	10.088,69	(19,06)
125	29-06-2025	51.977.635.133	5.151.806,78	10.089,20	0,51
126	30-06-2025	51.109.465.793	5.036.836,41	10.147,13	57,93
127	01-07-2025	51.131.813.135	4.997.586,40	10.231,30	84,17
128	02-07-2025	51.602.060.905	4.998.575,65	10.323,35	92,05
129	03-07-2025	51.088.131.644	4.988.353,81	10.241,48	(81,87)
130	06-07-2025	51.258.802.126	4.987.204,85	10.278,06	36,58
131	07-07-2025	51.459.917.210	4.988.850,58	10.314,98	36,92
132	08-07-2025	51.786.143.355	4.988.738,41	10.380,60	65,62
133	09-07-2025	51.871.308.765	4.988.597,85	10.397,97	17,37
134	10-07-2025	52.012.946.398	4.989.076,68	10.425,36	27,39
135	13-07-2025	51.764.895.699	4.989.076,68	10.375,64	(49,72)
136	14-07-2025	52.151.768.337	4.989.172,57	10.452,98	77,34
137	15-07-2025	51.918.782.805	4.989.029,25	10.406,59	(46,39)
138	16-07-2025	52.638.900.143	4.989.412,08	10.550,12	143,53
139	17-07-2025	53.364.846.095	4.989.695,01	10.695,01	144,89
140	20-07-2025	53.456.376.801	4.990.059,30	10.712,57	17,56
141	21-07-2025	53.109.132.082	4.985.611,32	10.652,48	(60,09)
142	22-07-2025	53.802.521.893	4.985.504,72	10.791,79	139,31
143	23-07-2025	54.572.864.156	4.985.047,43	10.947,31	155,52
144	24-07-2025	54.630.063.583	4.991.868,71	10.943,81	(3,50)
145	27-07-2025	55.531.554.663	4.992.868,77	11.122,17	178,36
146	28-07-2025	56.546.060.291	4.993.316,07	11.324,35	202,18
147	29-07-2025	54.414.267.941	4.994.821,16	10.894,13	(430,22)
148	30-07-2025	55.364.079.769	4.995.429,07	11.082,94	188,81
149	31-07-2025	55.455.576.550	4.995.789,77	11.100,46	17,52

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
150	03-08-2025	55.580.956.785	4.999.454,47	11.117,40	16,94
151	04-08-2025	55.686.617.564	4.996.758,37	11.144,54	27,14
152	05-08-2025	54.989.807.847	4.993.505,73	11.012,26	(132,28)
153	06-08-2025	55.012.098.127	4.955.669,46	11.100,84	88,58
154	07-08-2025	55.473.209.034	4.956.745,22	11.191,45	90,61
155	10-08-2025	55.798.527.506	4.956.923,02	11.256,68	65,23
156	11-08-2025	56.154.618.822	4.957.984,06	11.326,09	69,41
157	12-08-2025	56.028.067.063	4.954.596,20	11.308,30	(17,79)
158	13-08-2025	56.179.704.822	4.955.214,49	11.337,49	29,19
159	14-08-2025	56.636.458.501	4.945.141,22	11.452,95	115,46
160	17-08-2025	57.717.570.785	5.120.824,23	11.271,14	(181,81)
161	18-08-2025	57.725.630.477	5.121.530,53	11.271,16	0,02
162	19-08-2025	58.185.025.417	5.122.515,56	11.358,68	87,52
163	20-08-2025	57.708.021.834	5.122.953,55	11.264,59	(94,09)
164	21-08-2025	55.630.258.120	4.942.142,80	11.256,30	(8,29)
165	24-08-2025	54.088.366.187	4.942.142,80	10.944,31	(311,99)
166	25-08-2025	53.396.606.042	4.941.984,41	10.804,68	(139,63)
167	26-08-2025	54.504.558.455	4.945.088,20	11.021,95	217,27
168	27-08-2025	54.556.853.070	4.943.417,06	11.036,26	14,31
169	28-08-2025	54.687.703.191	4.943.885,85	11.061,68	25,42
170	31-08-2025	54.719.032.530	4.944.065,75	11.067,61	5,93
171	02-09-2025	54.709.654.465	4.944.065,75	11.065,72	(1,89)
172	03-09-2025	54.869.758.995	4.944.065,75	11.098,10	32,38
173	04-09-2025	55.248.431.116	4.944.473,66	11.173,77	75,67
174	07-09-2025	54.622.743.389	4.944.789,62	11.046,52	(127,25)
175	08-09-2025	53.854.000.715	4.944.906,16	10.890,80	(155,72)
176	09-09-2025	54.311.435.941	4.946.322,48	10.980,16	89,36
177	10-09-2025	54.291.588.248	4.947.409,88	10.973,73	(6,43)
178	11-09-2025	54.668.425.517	4.947.853,49	11.048,91	75,18
179	14-09-2025	55.476.927.346	4.948.033,59	11.211,91	163,00
180	15-09-2025	56.368.722.615	4.956.730,73	11.372,15	160,24
181	16-09-2025	56.363.280.595	4.974.492,08	11.330,45	(41,70)
182	17-09-2025	56.185.281.660	4.974.579,89	11.294,47	(35,98)
183	18-09-2025	55.995.867.422	4.975.460,85	11.254,40	(40,07)
184	21-09-2025	53.734.918.889	4.778.014,46	11.246,28	(8,12)
185	22-09-2025	53.229.681.422	4.778.191,40	11.140,13	(106,15)
186	23-09-2025	53.225.704.119	4.778.280,71	11.139,09	(1,04)
187	24-09-2025	53.534.567.722	4.778.566,54	11.203,06	63,97
188	25-09-2025	53.937.868.177	4.779.009,27	11.286,41	83,35
189	28-09-2025	53.649.237.201	4.779.978,97	11.223,73	(62,68)
190	29-09-2025	53.617.656.189	4.780.156,27	11.216,71	(7,02)
191	30-09-2025	53.116.209.888	4.780.156,27	11.111,81	(104,90)
192	01-10-2025	53.124.412.131	4.782.573,95	11.107,91	(3,90)
193	02-10-2025	51.820.661.847	4.682.877,50	11.065,98	(41,93)
194	05-10-2025	51.685.200.069	4.683.777,27	11.034,93	(31,05)
195	06-10-2025	52.740.553.758	4.684.138,02	11.259,39	224,46
196	07-10-2025	52.455.095.297	4.684.721,34	11.197,05	(62,34)
197	08-10-2025	52.788.595.353	4.685.611,95	11.266,10	69,05
198	09-10-2025	53.353.493.075	4.686.826,88	11.383,71	117,61
199	12-10-2025	54.578.508.379	4.687.176,67	11.644,21	260,50

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
200	13-10-2025	55.092.646.633	4.687.433,02	11.753,26	109,05
201	14-10-2025	54.716.275.985	4.687.906,10	11.671,79	(81,47)
202	15-10-2025	54.587.182.212	4.689.014,31	11.641,50	(30,29)
203	16-10-2025	55.141.669.636	4.688.418,87	11.761,25	119,75
204	19-10-2025	54.302.258.546	4.690.110,83	11.578,03	(183,22)
205	20-10-2025	51.238.756.845	4.689.586,03	10.926,07	(651,96)
206	21-10-2025	52.124.459.432	4.691.092,73	11.111,36	185,29
207	22-10-2025	52.473.083.171	4.692.274,92	11.182,86	71,50
208	23-10-2025	52.736.334.910	4.693.342,61	11.236,41	53,55
209	26-10-2025	52.932.534.941	4.697.681,61	11.267,79	31,38
210	27-10-2025	52.481.601.894	4.699.359,98	11.167,81	(99,98)
211	28-10-2025	53.172.952.842	4.699.716,34	11.314,07	146,26
212	29-10-2025	53.845.849.583	4.699.892,22	11.456,82	142,75
213	30-10-2025	51.717.620.674	4.501.517,22	11.488,93	32,11
214	31-10-2025	51.120.288.986	4.502.469,87	11.353,83	(135,10)
215	02-11-2025	51.111.206.708	4.502.469,87	11.351,81	(2,02)
216	03-11-2025	51.029.288.153	4.502.557,52	11.333,40	(18,41)
217	04-11-2025	51.721.155.658	4.506.196,69	11.477,78	144,38
218	05-11-2025	51.946.611.473	4.507.757,05	11.523,82	46,04
219	06-11-2025	51.445.351.138	4.508.309,71	11.411,22	(112,60)
220	09-11-2025	50.543.570.542	4.509.007,25	11.209,46	(201,76)
221	10-11-2025	50.488.557.364	4.510.556,59	11.193,42	(16,04)
222	11-11-2025	50.689.425.862	4.512.644,40	11.232,75	39,33
223	12-11-2025	51.551.645.964	4.513.964,24	11.420,48	187,73
224	13-11-2025	51.752.080.374	4.514.191,85	11.464,30	43,82
225	16-11-2025	52.235.739.483	4.514.452,22	11.570,78	106,48
226	17-11-2025	53.028.481.106	4.512.830,20	11.750,60	179,82
227	18-11-2025	52.872.940.469	4.513.773,80	11.713,68	(36,92)
228	19-11-2025	52.325.826.249	4.514.614,71	11.590,31	(123,37)
229	20-11-2025	52.182.699.961	4.524.800,57	11.532,59	(57,72)
230	23-11-2025	51.975.069.915	4.529.847,74	11.473,91	(58,68)
231	24-11-2025	51.980.130.902	4.532.709,43	11.467,78	(6,13)
232	25-11-2025	51.098.999.995	4.537.441,44	11.261,63	(206,15)
233	26-11-2025	52.033.468.313	4.542.585,87	11.454,59	192,96
234	27-11-2025	51.733.429.067	4.544.136,57	11.384,65	(69,94)
235	30-11-2025	51.502.241.885	4.545.700,16	11.329,88	(54,77)
236	01-12-2025	51.592.589.547	4.572.053,52	11.284,33	(45,55)
237	02-12-2025	51.853.582.665	4.572.640,66	11.339,96	55,63
238	03-12-2025	52.637.260.419	4.573.342,76	11.509,58	169,62
239	04-12-2025	53.108.301.022	4.573.639,52	11.611,82	102,24
240	07-12-2025	52.588.548.160	4.573.492,10	11.498,55	(113,27)
241	08-12-2025	52.155.230.434	4.574.617,01	11.401,00	(97,55)
242	09-12-2025	51.508.414.073	4.577.062,59	11.253,59	(147,41)
243	10-12-2025	51.323.081.902	4.583.004,23	11.198,56	(55,03)
244	11-12-2025	51.148.643.745	4.583.981,76	11.158,12	(40,44)
245	14-12-2025	48.935.945.278	4.568.978,39	10.710,47	(447,65)
246	15-12-2025	48.870.908.911	4.571.769,67	10.689,71	(20,76)
247	16-12-2025	50.090.878.992	4.571.259,24	10.957,78	268,07
248	17-12-2025	49.769.168.339	4.571.118,45	10.887,74	(70,04)
249	18-12-2025	49.896.719.207	4.571.666,75	10.914,33	26,59

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

<i>STT</i>	<i>Kỳ tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>NAV/ đơn vị quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND</i>
250	21-12-2025	50.202.003.904	4.573.094,10	10.977,68	63,35
251	22-12-2025	51.055.290.973	4.578.008,67	11.152,29	174,61
252	23-12-2025	50.822.105.583	4.577.536,17	11.102,50	(49,79)
253	24-12-2025	51.006.198.441	4.580.078,42	11.136,53	34,03
254	25-12-2025	50.207.238.403	4.580.949,14	10.960,00	(176,53)
255	28-12-2025	50.130.031.534	4.586.483,59	10.929,94	(30,06)
256	29-12-2025	50.594.903.204	4.586.075,76	11.032,28	102,34
257	30-12-2025	50.454.421.075	4.586.535,65	11.000,55	(31,73)
258	31-12-2025	50.378.399.000	4.586.712,94	10.983,55	(17,00)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm					50.768.833.182
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất					707,65
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất					0,02

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	24-05-2024 (ngày thành lập)	51.317.320.000	5.131.732,00	10.000,00	
2	26-05-2024	51.320.996.584	5.131.732,00	10.000,71	0,71
3	27-05-2024	51.317.325.674	5.131.732,00	10.000,00	(0,71)
4	28-05-2024	51.313.654.914	5.131.732,00	9.999,28	(0,72)
5	29-05-2024	51.309.984.305	5.131.732,00	9.998,57	(0,71)
6	30-05-2024	51.306.313.846	5.131.732,00	9.997,85	(0,72)
7	31-05-2024	51.302.643.537	5.131.732,00	9.997,14	(0,71)
8	02-06-2024	51.295.201.790	5.131.732,00	9.995,68	(1,46)
9	03-06-2024	51.289.430.620	5.131.732,00	9.994,56	(1,12)
10	04-06-2024	51.243.510.627	5.131.732,00	9.985,61	(8,95)
11	05-06-2024	51.304.881.195	5.131.732,00	9.997,57	11,96
12	06-06-2024	51.788.442.105	5.173.830,21	10.009,69	12,12
13	09-06-2024	52.337.120.865	5.214.585,63	10.036,67	26,98
14	10-06-2024	52.319.611.126	5.222.620,60	10.017,88	(18,79)
15	11-06-2024	52.423.914.707	5.222.819,24	10.037,47	19,59
16	12-06-2024	52.757.772.210	5.234.912,08	10.078,06	40,59
17	13-06-2024	55.932.128.491	5.540.281,83	10.095,53	17,47
18	16-06-2024	55.463.298.716	5.545.720,56	10.001,09	(94,44)
19	17-06-2024	55.666.849.224	5.546.419,53	10.036,53	35,44
20	18-06-2024	56.123.840.177	5.548.721,51	10.114,73	78,20
21	19-06-2024	56.098.696.941	5.548.819,88	10.110,02	(4,71)
22	20-06-2024	56.293.368.798	5.548.819,88	10.145,10	35,08
23	23-06-2024	56.364.384.292	5.547.819,88	10.159,73	14,63
24	24-06-2024	55.747.645.378	5.551.100,81	10.042,62	(117,11)
25	25-06-2024	55.545.198.005	5.553.180,48	10.002,41	(40,21)
26	26-06-2024	55.662.093.662	5.553.677,31	10.022,56	20,15
27	27-06-2024	55.437.234.776	5.553.776,68	9.981,89	(40,67)
28	30-06-2024	55.033.355.952	5.555.473,43	9.906,15	(75,74)
29	01-07-2024	55.035.871.223	5.558.185,36	9.901,76	(4,39)
30	02-07-2024	54.994.475.315	5.540.949,19	9.925,10	23,34
31	03-07-2024	55.292.563.437	5.552.723,57	9.957,73	32,63
32	04-07-2024	55.543.363.707	5.553.823,21	10.000,92	43,19
33	07-07-2024	55.759.053.106	5.554.818,11	10.037,96	37,04
34	08-07-2024	56.480.158.182	5.555.511,96	10.166,50	128,54
35	09-07-2024	57.572.457.172	5.596.028,72	10.288,09	121,59
36	10-07-2024	57.597.513.512	5.606.567,89	10.273,22	(14,87)
37	11-07-2024	57.477.150.876	5.607.439,55	10.250,15	(23,07)
38	14-07-2024	57.292.987.903	5.607.827,83	10.216,60	(33,55)
39	15-07-2024	57.753.606.427	5.607.727,83	10.298,93	82,33
40	16-07-2024	57.575.590.133	5.605.790,63	10.270,73	(28,20)
41	17-07-2024	55.456.897.648	5.603.790,63	9.896,31	(374,42)
42	18-07-2024	55.742.031.763	5.604.192,79	9.946,48	50,17
43	21-07-2024	55.175.410.244	5.604.893,02	9.844,15	(102,33)
44	22-07-2024	54.280.976.095	5.608.127,40	9.678,98	(165,17)
45	23-07-2024	53.803.196.018	5.610.800,30	9.589,21	(89,77)
46	24-07-2024	53.991.525.296	5.598.398,72	9.644,10	54,89
47	25-07-2024	54.016.786.343	5.598.398,72	9.648,61	4,51
48	28-07-2024	54.221.848.446	5.598.813,47	9.684,52	35,91
49	29-07-2024	54.378.982.948	5.600.560,05	9.709,56	25,04
50	30-07-2024	54.265.496.301	5.613.810,00	9.666,42	(43,14)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
51	31-07-2024	54.225.891.421	5.614.238,72	9.658,63	(7,79)
52	01-08-2024	53.666.730.390	5.614.863,44	9.557,97	(100,66)
53	04-08-2024	53.882.078.479	5.616.529,15	9.593,48	35,51
54	05-08-2024	53.174.138.471	5.616.736,57	9.467,08	(126,40)
55	06-08-2024	53.468.172.007	5.612.788,19	9.526,13	59,05
56	07-08-2024	53.453.835.535	5.612.997,07	9.523,22	(2,91)
57	08-08-2024	53.446.204.376	5.615.400,13	9.517,79	(5,43)
58	11-08-2024	53.669.977.552	5.621.986,21	9.546,44	28,65
59	12-08-2024	53.951.415.725	5.635.223,06	9.573,96	27,52
60	13-08-2024	53.894.959.518	5.635.956,84	9.562,69	(11,27)
61	14-08-2024	53.855.762.113	5.644.905,15	9.540,59	(22,10)
62	15-08-2024	53.493.460.644	5.644.913,73	9.476,40	(64,19)
63	18-08-2024	54.034.139.977	5.576.541,57	9.689,54	213,14
64	19-08-2024	54.313.421.495	5.571.849,61	9.747,82	58,28
65	20-08-2024	54.606.367.996	5.574.503,53	9.795,73	47,91
66	21-08-2024	54.969.460.528	5.569.510,67	9.869,71	73,98
67	22-08-2024	55.046.034.800	5.569.813,20	9.882,92	13,21
68	25-08-2024	54.785.153.807	5.569.813,20	9.836,08	(46,84)
69	26-08-2024	54.323.583.571	5.570.927,09	9.751,26	(84,82)
70	27-08-2024	54.157.232.000	5.571.761,68	9.719,94	(31,32)
71	28-08-2024	54.384.715.509	5.574.625,99	9.755,76	35,82
72	29-08-2024	54.189.611.201	5.571.625,99	9.725,99	(29,77)
73	31-08-2024	54.315.708.363	5.569.189,84	9.752,89	26,90
74	03-09-2024	54.300.743.315	5.569.189,84	9.750,20	(2,69)
75	04-09-2024	54.178.906.622	5.570.822,55	9.725,47	(24,73)
76	05-09-2024	54.090.518.172	5.579.212,40	9.695,00	(30,47)
77	08-09-2024	54.298.764.855	5.589.286,30	9.714,79	19,79
78	09-09-2024	54.154.953.264	5.589.388,82	9.688,88	(25,91)
79	10-09-2024	53.995.312.716	5.589.491,51	9.660,14	(28,74)
80	11-09-2024	53.943.909.306	5.590.624,51	9.648,99	(11,15)
81	12-09-2024	54.089.359.904	5.590.830,73	9.674,65	25,66
82	15-09-2024	54.150.576.392	5.590.933,57	9.685,42	10,77
83	16-09-2024	53.733.446.577	5.591.960,88	9.609,05	(76,37)
84	17-09-2024	53.902.917.746	5.591.967,96	9.639,34	30,29
85	18-09-2024	54.064.562.366	5.593.783,63	9.665,11	25,77
86	19-09-2024	54.226.058.013	5.593.684,37	9.694,15	29,04
87	22-09-2024	54.065.493.279	5.591.495,03	9.669,23	(24,92)
88	23-09-2024	53.977.400.803	5.591.392,73	9.653,65	(15,58)
89	24-09-2024	54.316.020.083	5.591.598,85	9.713,86	60,21
90	25-09-2024	55.175.553.767	5.590.396,58	9.869,70	155,84
91	26-09-2024	55.081.880.038	5.580.930,46	9.869,65	(0,05)
92	29-09-2024	55.150.296.037	5.582.148,86	9.879,76	10,11
93	30-09-2024	55.082.167.802	5.582.450,99	9.867,02	(12,74)
94	01-10-2024	55.022.599.948	5.583.768,79	9.854,02	(13,00)
95	02-10-2024	54.730.298.918	5.583.768,79	9.801,67	(52,35)
96	03-10-2024	53.959.724.787	5.575.182,28	9.678,55	(123,12)
97	06-10-2024	53.912.245.578	5.574.274,33	9.671,61	(6,94)
98	07-10-2024	53.927.909.827	5.574.583,16	9.673,89	2,28
99	08-10-2024	54.253.833.315	5.574.293,48	9.732,86	58,97
100	09-10-2024	53.481.021.729	5.474.293,48	9.769,48	36,62

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
101	10-10-2024	53.459.544.847	5.474.293,48	9.765,56	(3,92)
102	13-10-2024	53.495.229.983	5.474.293,48	9.772,07	6,51
103	14-10-2024	53.479.736.050	5.474.497,22	9.768,88	(3,19)
104	15-10-2024	52.934.269.713	5.460.813,85	9.693,47	(75,41)
105	16-10-2024	52.799.699.075	5.460.123,85	9.670,05	(23,42)
106	17-10-2024	52.886.556.350	5.460.804,64	9.684,75	14,70
107	20-10-2024	52.591.227.175	5.461.112,84	9.630,13	(54,62)
108	21-10-2024	52.025.579.310	5.461.013,16	9.526,72	(103,41)
109	22-10-2024	51.605.568.515	5.462.490,22	9.447,26	(79,46)
110	23-10-2024	51.794.096.933	5.462.490,22	9.481,77	34,51
111	24-10-2024	51.534.606.165	5.462.595,15	9.434,08	(47,69)
112	27-10-2024	51.461.727.501	5.462.595,15	9.420,74	(13,34)
113	28-10-2024	51.675.318.761	5.464.610,31	9.456,35	35,61
114	29-10-2024	51.938.746.264	5.464.831,19	9.504,18	47,83
115	30-10-2024	52.147.633.631	5.464.540,57	9.542,91	38,73
116	31-10-2024	52.018.944.634	5.464.144,83	9.520,05	(22,86)
117	03-11-2024	51.750.040.915	5.464.567,38	9.470,10	(49,95)
118	04-11-2024	51.765.748.613	5.464.988,88	9.472,25	2,15
119	05-11-2024	51.800.661.339	5.464.898,96	9.478,79	6,54
120	06-11-2024	51.937.319.022	5.464.801,78	9.503,97	25,18
121	07-11-2024	52.486.668.903	5.486.130,52	9.567,15	63,18
122	10-11-2024	52.942.755.841	5.486.858,52	9.649,01	81,86
123	11-11-2024	53.276.400.502	5.486.858,52	9.709,81	60,80
124	12-11-2024	53.099.511.469	5.487.883,25	9.675,77	(34,04)
125	13-11-2024	53.070.014.383	5.487.883,25	9.670,39	(5,38)
126	14-11-2024	52.729.270.003	5.487.986,14	9.608,12	(62,27)
127	17-11-2024	52.235.810.475	5.487.881,08	9.518,39	(89,73)
128	18-11-2024	52.103.664.950	5.487.869,26	9.494,33	(24,06)
129	19-11-2024	51.087.895.663	5.487.974,05	9.309,06	(185,27)
130	20-11-2024	51.272.936.692	5.487.974,05	9.342,78	33,72
131	21-11-2024	51.562.040.872	5.487.974,05	9.395,46	52,68
132	24-11-2024	51.374.429.861	5.488.715,35	9.360,00	(35,46)
133	25-11-2024	51.456.713.374	5.490.841,38	9.371,37	11,37
134	26-11-2024	49.636.172.349	5.291.268,40	9.380,77	9,40
135	27-11-2024	49.962.036.763	5.290.699,42	9.443,37	62,60
136	28-11-2024	49.988.289.994	5.290.804,78	9.448,14	4,77
137	30-11-2024	50.424.600.283	5.291.331,76	9.529,66	81,52
138	01-12-2024	50.419.838.161	5.291.331,76	9.528,76	(0,90)
139	02-12-2024	50.533.706.066	5.291.440,60	9.550,08	21,32
140	03-12-2024	50.840.944.786	5.302.333,54	9.588,40	38,32
141	04-12-2024	50.485.173.986	5.303.371,76	9.519,44	(68,96)
142	05-12-2024	50.905.541.137	5.303.371,76	9.598,71	79,27
143	08-12-2024	50.977.767.217	5.303.371,76	9.612,33	13,62
144	09-12-2024	50.942.923.656	5.303.682,29	9.605,19	(7,14)
145	10-12-2024	51.059.237.423	5.302.688,26	9.628,93	23,74
146	11-12-2024	51.135.953.752	5.302.891,35	9.643,03	14,10
147	12-12-2024	50.894.747.165	5.303.097,71	9.597,17	(45,86)
148	15-12-2024	50.737.115.983	5.304.134,47	9.565,57	(31,60)
149	16-12-2024	50.964.076.555	5.304.342,49	9.607,99	42,42
150	17-12-2024	51.004.467.458	5.304.353,36	9.615,58	7,59

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

<i>STT</i>	<i>Kỳ tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>NAV/ đơn vị quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND</i>
151	18-12-2024	51.303.918.325	5.304.353,36	9.672,04	56,46
152	19-12-2024	51.365.998.298	5.304.163,36	9.684,09	12,05
153	22-12-2024	52.007.516.214	5.303.654,61	9.805,97	121,88
154	23-12-2024	52.082.094.962	5.302.761,85	9.821,69	15,72
155	24-12-2024	52.477.117.021	5.302.863,15	9.895,99	74,30
156	25-12-2024	52.498.972.042	5.304.270,75	9.897,49	1,50
157	26-12-2024	49.306.283.399	5.009.317,74	9.842,91	(54,58)
158	29-12-2024	48.854.588.906	5.009.618,46	9.752,15	(90,76)
159	30-12-2024	48.758.421.697	5.009.520,48	9.733,15	(19,00)
160	31-12-2024	48.744.767.189	5.010.338,70	9.728,83	(4,32)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					53.260.339.684
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất					374,42
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất					0,05

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<u>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</u>	<u>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</u>
Đến một năm	1.023.362,67	5.010.338,70
Trên 1 năm	3.563.350,27	-
	4.586.712,94	5.010.338,70

19. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỜ

	<u>Năm nay</u>	<u>Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	4,90	4,75
Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	5,02	4,77

19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 47.997.963.200 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 4.799.796.320 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 4.799.796.320 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn ngắn dưới ba (3) tháng tại các tổ chức tài chính.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

20.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu vào chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	2.608.793.662	2.608.793.662	3.559.721.154	3.559.721.154
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	2.600.793.662	2.600.793.662	3.521.715.154	3.521.715.154
- Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	8.000.000	8.000.000	38.006.000	38.006.000
Các khoản đầu tư	47.997.963.200	47.997.963.200	44.736.075.000	44.736.075.000
- Cổ phiếu niêm yết	47.997.963.200	47.997.963.200	44.736.075.000	44.736.075.000
Cổ tức được nhận	-	-	113.300.000	113.300.000
Phải thu về bán các khoản đầu tư	-	-	933.597.500	933.597.500
	50.606.756.862	50.606.756.862	49.342.693.654	49.342.693.654
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	310.876.589	310.876.589
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	114.894.097	114.894.097	115.066.902	115.066.902
Chi phí phải trả	97.400.000	97.400.000	107.200.000	107.200.000
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	6.505.280	6.505.280	30.615.845	30.615.845
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	8.000.000	8.000.000	30.006.000	30.006.000
	226.799.377	226.799.377	593.765.336	593.765.336

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>năm 2024</u>
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	760.832.976	484.960.918
Mua chứng chỉ Quỹ		
<i>Số lượng mua chứng chỉ Quỹ</i>	261.398,96	2.871,09
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	2.613.989.600	28.710.900
<i>Thặng dư vốn</i>	(66.789.600)	(850.900)
Bán chứng chỉ Quỹ		
<i>Số lượng bán chứng chỉ Quỹ</i>	(1.435,54)	-
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	(14.355.400)	-
<i>Thặng dư vốn</i>	(80.426)	-

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	64.694.097	64.493.241
Phải trả phí phát hành và mua lại CCQ	5.307.048	30.382.095

b) *Thù lao của Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	144.000.000	87.096.775

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	32.400.000	32.400.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	262.834,51	5,73	2.871,09	0,06
Bên liên quan khác	Ban lãnh đạo của công ty quản lý quỹ	598.576,13	13,05	604.291,53	12,06
		861.410,64	18,78	607.162,62	12,12

22.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,05% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 0,03% trên tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày với mức tối thiểu là 50.000 đồng trên mỗi ngày giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	15.371.315	40.965.890
Giá dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	154.508.778	92.433.221
Giá dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	181.403.226	75.000.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	198.000.000	119.758.064
Giá dịch vụ giám sát	66.000.000	39.919.353
Phí ngân hàng	5.236.000	2.150.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

22.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán	2.600.793.662	3.521.715.154
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	8.000.000	38.006.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ mở	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	-	373.661

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phổ Hạp
Tổng Giám đốc